

Số: 1801^a/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 31 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án: Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'drug

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế dự toán xây dựng công trình;
Căn cứ Báo cáo số 8248/BC-BKHĐT ngày 06/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án nhóm B;
Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020 (đợt 2);
Căn cứ Văn bản số 89/HĐND-VP ngày 30/6/2017 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'drug;
Căn cứ Thông báo số 28/TB-HĐND ngày 28/8/2019 của HĐND tỉnh về việc thông báo kết luận phiên họp thường kỳ tháng 8 năm 2019 của Thường trực HĐND tỉnh;



(Handwritten signature)

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn số 5228/UBND-KTN ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2019/NĐ-CP;

Xét Thông báo kết quả thẩm định dự án số 2351/SGTVT-KT&CHT ngày 31/10/2019 của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định dự án Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'drug; đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2352/TTr-SGT ngày 31 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư: Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'drug với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'drug.

2. Nhóm dự án: Nhóm B.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Đắk Song (trước đây là Ban Quản lý các dự án huyện Đắk Song).

4. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa, giao thông của người dân tại khu vực dự án; góp phần hình thành các khu dân cư và liên kết với các vùng lân cận để phát triển kinh tế - xã hội của các xã: Thuận Hà, Đắk N'drug, Nam Bình và thị trấn Đức An nói riêng và huyện Đắk Song nói chung.

5. Nội dung, quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu:

Đầu tư 03 trục đường với cấp thiết kế: Đường cấp IV - Vùng núi (đoạn Km0+00 ÷ Km1+353 thuộc Trục 1); đường cấp V - Vùng núi (đoạn Km1+353 ÷ Km10+673 thuộc Trục 1 và Trục 2) và đường Giao thông nông thôn cấp B (Trục 3), với các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Vận tốc thiết kế:

+ V=40km/h (đoạn Km0+00 ÷ Km1+353 thuộc Trục 1).

+ V=30km/h (đoạn Km1+353 ÷ Km10+673 thuộc Trục 1, và Trục 2).

+ V = 20km/h (trục 3).

- Chiều rộng nền, mặt đường:

+ Đoạn Km0+00 ÷ Km1+353 thuộc Trục 1: Nền đường rộng 7,5m, trong đó mặt đường rộng 5,5m; lề đường rộng 1,0m x 02 bên = 2,0m.

+ Đoạn Km1+353 ÷ Km10+673 thuộc Trục 1 và Trục 2: Nền đường rộng 6,5m, trong đó mặt đường rộng = 3,5m; lề đường rộng 1,5m x 02 bên = 3,0m.

+ Trục 3: Nền đường rộng 5,0m, trong đó mặt đường rộng = 3,5m; lề đường rộng 0,75m x 02 bên = 1,5m.

- Loại mặt đường: Mặt đường cấp cao A1 (mặt đường bê tông xi măng) và mặt đường cấp cao A2 (mặt đường láng nhựa);

- Tải trọng thiết kế mặt đường:

+ Tải trọng trục xe tiêu chuẩn 10 Tấn đối với trục 1, trục 2.

+ Tải trọng trục xe tiêu chuẩn 6 Tấn đối với trục 3.

- Tải trọng thiết kế công thoát nước:

+ Đối với đoạn Km0+00÷Km1+353 thuộc Trục 1: HL93;

+ Đối với Km1+353÷Km10+673 thuộc Trục 1, Trục 2, Trục 3: 0,65HL93;

- Tần suất tính toán thủy văn đối với nền đường, hệ thống thoát nước là 4%.

5.1. Bình đồ:

- Các trục đường được thiết kế cơ bản bám theo tim đường hiện hữu, chỉ điều chỉnh cục bộ một số đoạn, nhằm đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật của cấp thiết kế và phù hợp với điều kiện địa hình khu vực. Cụ thể như sau:

+ Trục 01: Điểm đầu: Km0+00, giao với Quốc lộ 14 tại Km807+150 (địa bàn thị trấn Đức An, huyện Đắk Song); điểm cuối: Km10+673,39 (địa bàn xã Thuận Hà);

+ Trục 02: Điểm đầu: Km0+00, giao với Trục 1 tại Km5+101 (địa bàn Thôn 6, xã Nam Bình); điểm cuối: Km5+151,14, giao với Tỉnh lộ 6 tại Km15+260 (gần trạm y tế xã Đắk N'rung).

+ Trục 03: Điểm đầu: Km0+00 giao với Trục 02 tại Km1+667,34 (địa bàn thôn Đắk Kual 4, xã Đắk N'rung); điểm cuối: Km4+999,74, giao với Đường huyện ĐH28 tại Km0+700 (gần Đại đội bộ binh 6).

- Các nút giao được thiết kế nút giao đồng mức, dạng đơn giản.

5.2. Trắc dọc: Được thiết kế chủ yếu theo phương pháp đường bao, kết hợp đường cắt nhằm tận dụng nền, mặt đường cũ để giảm kinh phí đầu tư. Độ dốc dọc thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn của cấp đường thiết kế đối với từng đoạn tuyến.

5.3. Trắc ngang nền đường:

- Trục 1:

+ Đoạn Km0+00 ÷ Km1+353: Chiều rộng nền đường hoàn thiện là 7,5m (chưa tính mở rộng trong đường cong), trong đó: Mặt đường rộng 5,5m; lề đường rộng 1m x 2 bên = 2m;

+ Đoạn Km1+353 ÷ Km10+673: Chiều rộng nền đường hoàn thiện là 6,5m (chưa tính mở rộng trong đường cong), trong đó: Mặt đường rộng 3,5m; lề đường rộng 1,5m x 2 bên = 3m;

+ Độ dốc ngang mặt đường và lề gia cố: Đối với kết cấu mặt đường đá dăm láng nhựa, $i_n = 3,0\%$; đối với kết cấu mặt đường bê tông xi măng, $i_n = 2\%$; độ dốc ngang lề đường đất $i_{lè} = 4,0\%$;

+ Độ dốc mái ta luy nền đường đào 1/1; mái ta luy nền đường đắp 1/1,5.

- Trục 2:

+ Chiều rộng nền đường hoàn thiện là 6,5m (chưa tính mở rộng trong đường cong), trong đó: Mặt đường rộng 3,5m; lề đường rộng 1,5m x 2 bên = 3m.

+ Độ dốc ngang mặt đường đá dăm láng nhựa $i_{mặt} = 3,0\%$, mặt đường bê tông xi măng $i_{mặt} = 2\%$; độ dốc ngang lề đường $i_{lè} = 4,0\%$.

+ Độ dốc mái ta luy nền đường đào 1/1; mái ta luy nền đường đắp 1/1,5.

- Trục 3:

+ Chiều rộng nền đường hoàn thiện là 5m (chưa tính mở rộng trong đường cong), trong đó: Mặt đường rộng 3,5m; lề đường rộng 0,75m x 2 bên = 1,5m.

+ Độ dốc ngang mặt đường đá dăm láng nhựa $i_{mặt} = 3,0\%$, mặt đường bê tông xi măng $i_{mặt} = 2\%$; độ dốc ngang lề đường $i_{lè} = 4,0\%$.

+ Độ dốc mái ta luy nền đường đào 1/1; mái ta luy nền đường đắp 1/1,5.

5.4. Kết cấu áo đường:

5.4.1. Trục 1:

- Đoạn Km0+00 ÷ Km1+003: Mặt đường bê tông xi măng, thứ tự các lớp từ trên xuống như sau:

+ Bê tông xi măng đá 1x2 M300 dày 22cm;

+ Lớp giấy dầu tạo phẳng và chống ảnh hưởng do co ngót;

+ Móng cấp phối đá dăm loại I_{Dmax} 25 gia cố xi măng 5%, dày 15cm.

- Đoạn Km1+003 ÷ Km1+353: Mặt đường bê tông xi măng trên mặt đường cũ, thứ tự các lớp từ trên xuống như sau:

+ Bê tông xi măng đá 1x2 M300 dày 22cm;

+ Lớp giấy dầu tạo phẳng và chống ảnh hưởng do co ngót;

+ Mặt đường cũ.

- Mặt đường bê tông xi măng phạm vi mở rộng, thứ tự các lớp từ trên xuống như sau:

+ Bê tông xi măng đá 1x2 M300 dày 22cm;

+ Lớp giấy dầu tạo phẳng và chống ảnh hưởng do co ngót;

+ Móng cấp phối đá dăm loại I_{Dmax} 25 gia cố xi măng 5%, dày 15cm.

- Đoạn Km1+353 ÷ Km10+673: Mặt đường đá dăm nước láng nhựa (đối với các đoạn có độ dốc dọc nhỏ hơn 7%), thứ tự các lớp từ trên xuống như sau:

+ Láng nhựa 03 lớp, dày trung bình 3,5cm, TCN 4,5Kg/m²;

- + Mặt đường đá dăm nước lớp trên dày 12cm;
- + Mặt đường đá dăm nước lớp dưới dày 14cm.
- Mặt đường bê tông xi măng (đối với các đoạn có độ dốc dọc từ 7% trở lên), thứ tự các lớp từ trên xuống như sau:

- + Bê tông xi măng đá 1x2 M300 dày 20cm;
- + Lớp giấy dầu tạo phẳng và chống ảnh hưởng do co ngót;
- + Móng cấp phối đá dăm loại II_{Dmax} 37,5 dày 18cm, độ chặt $K \geq 0,98$.

5.4.2. Trục 2:

- Đối với các đoạn mặt đường láng nhựa hiện hữu: Láng nhựa tăng cường 02 lớp, dày trung bình 2,5cm, TCN 3Kg/m².

- Đối với các đoạn mặt đường làm mới và mặt đường nhựa cũ hư hỏng (đào bỏ), có độ dốc dọc $i_{dọc} \geq 7\%$: Mặt đường bê tông xi măng, thứ tự các lớp từ trên xuống như sau:

- + Bê tông xi măng đá 1x2 M300 dày 20cm;
- + Lớp giấy dầu tạo phẳng và chống ảnh hưởng do co ngót;
- + Móng cấp phối đá dăm loại II_{Dmax} 37,5, dày 18cm, độ chặt $K \geq 0,98$.

- Đối với các đoạn mặt đường làm mới và mặt đường nhựa cũ hư hỏng (đào bỏ), có độ dốc dọc $i_{dọc} < 7\%$: Mặt đường đá dăm nước láng nhựa, thứ tự các lớp từ trên xuống như sau:

- + Láng nhựa 03 lớp, dày trung bình 3,5cm, TCN 4,5Kg/m²;
- + Mặt đường đá dăm nước lớp trên dày 12cm;
- + Mặt đường đá dăm nước lớp dưới dày 14cm.

5.4.3. Trục 3:

- Đối với các đoạn có độ dốc dọc $i_{dọc} \geq 11\%$: Mặt đường bê tông xi măng, thứ tự các lớp từ trên xuống như sau:

- + Bê tông xi măng đá 1x2 M250 dày 18cm;
- + Lớp giấy dầu tạo phẳng và chống ảnh hưởng do co ngót;
- + Móng cấp phối đá dăm loại II_{Dmax} 37,5, dày 14cm, độ chặt $K \geq 0,98$.

- Đối với các đoạn mặt đường có độ dốc dọc $i_{dọc} < 11\%$: Mặt đường đá dăm nước láng nhựa, thứ tự các lớp từ trên xuống như sau:

- + Láng nhựa 03 lớp, dày trung bình 3,5cm, TCN 4,5Kg/m²;
- + Mặt đường đá dăm nước lớp trên dày 15cm;
- + Móng cấp phối tự nhiên dày 20cm, độ chặt $K \geq 0,98$.

5.5. Lề đường:

- Trục 1:

+ Đoạn Km0+00 ÷ Km1+003: Lề đường bên trái gia cố rộng 0,5m; lề đường bên phải gia cố rộng 1m. Lề đường được gia cố có kết cấu giống với kết

cầu áo đường. Phạm vi lề đường không gia cố (0,5m bên trái) được đắp bằng đất cấp phối tự nhiên, lu lèn chặt $K_{yc} \geq 0,95$.

+ Đoạn Km1+003 ÷ Km1+353: Lề đường được gia cố mỗi bên rộng 0,5m, có kết cấu giống kết cấu cầu áo đường. Phạm vi lề đường không gia cố được đắp bằng đất cấp phối tự nhiên, lu lèn chặt $K_{yc} \geq 0,95$.

+ Đoạn Km1+353 ÷ Km10+673: Lề đường được gia cố mỗi bên rộng 1m, có kết cấu giống kết cấu cầu áo đường. Phạm vi lề đường không gia cố được đắp bằng đất cấp phối tự nhiên, lu lèn chặt $K_{yc} \geq 0,95$.

- Trục 2 và Trục 3: Lề đường được đắp bằng đất cấp phối tự nhiên, lu lèn chặt $K_{yc} \geq 0,95$.

5.6. Nền đường:

- Trục 1:

+ Đối với nền đường đắp: Lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$ trong phạm vi 50cm tính từ đáy kết cấu cầu áo đường trở xuống; các lớp tiếp theo lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,95$;

+ Đối với nền đường đào và nền đường không đào không đắp: Lu xử lý nền đường đào đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$ trong phạm vi 30cm tính từ đáy kết cấu cầu áo đường trở xuống.

- Trục 2 và Trục 3:

+ Đối với nền đường đắp: Lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,95$ trong phạm vi 50cm tính từ đáy kết cấu cầu áo đường trở xuống; các lớp tiếp theo lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,93$;

+ Đối với nền đường đào và nền đường không đào, không đắp: Lu xử lý nền đường đào đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,95$ trong phạm vi 30cm tính từ đáy kết cấu cầu áo đường trở xuống.

5.7. Công trình thoát nước: Tận dụng lại một số cầu, cống, rãnh thoát nước hiện hữu trên tuyến, thiết kế nối dài các cống cho phù hợp với bề rộng của nền đường; thiết kế mới một số cống và rãnh thoát nước nhằm đảm bảo thoát nước cho công trình.

5.8. Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí biển báo, vạch kẻ đường, phân làn theo đúng Quy chuẩn Quốc Gia về báo hiệu đường bộ, Quy chuẩn Việt Nam 41:2016/BGTVT.

(Chi tiết theo hồ sơ dự án đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định)

6. Tổ chức Tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty TNHH tư vấn xây dựng Thái Sơn và Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Miền Trung.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

8. Diện tích sử dụng đất: Tổng diện tích đất xây dựng công trình khoảng 21,3ha.

9. Loại, cấp công trình:

9.1. Loại công trình: Công trình giao thông.
9.2. Cấp công trình: Công trình cấp III.
9.3. Hình thức đầu tư: Sửa chữa, nâng cấp mặt đường và xây dựng mới.
10. Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

11. Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:
- 22 TCN 263 - 2000: Quy trình khảo sát đường ô tô;
- TCVN 4054 - 2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- 22 TCN 211 - 2006: Quy trình thiết kế áo đường mềm;
- TCVN 10380:2014: Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;
- Quyết định số 3230/QĐ-BGTVT ngày 14/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành quy định tạm thời về thiết kế đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;
- QCVN 41 - 2016/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy trình, quy phạm hiện hành có liên quan.

- Các tiêu chuẩn hiện hành liên quan.

12. Phương án giải phóng mặt bằng: Công trình được thiết kế trên cơ sở đường hiện trạng, chỉ giải phóng mặt bằng phạm vi mở rộng để đảm bảo chiều rộng nền đường, các vị trí nút giao, nắn chỉnh tuyến. Diện tích chiếm dụng đất mới, cần giải phóng mặt bằng khoảng 7,1 ha. Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo phương án được duyệt của cấp có thẩm quyền. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức rà soát, xác định diện tích đất cần giải phóng mặt bằng nằm trong quy hoạch 3 loại rừng (nếu có) để tiến hành các thủ tục theo đúng quy định trước khi triển khai thực hiện dự án.

13. Tổng mức đầu tư của dự án: 82.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi hai tỷ đồng*). Trong đó:

- Chi phí giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư	: 4.932.628.000	đồng
- Chi phí xây dựng	: 59.102.497.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	: 1.292.572.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	: 5.128.086.000	đồng
- Chi phí khác	: 2.099.294.000	đồng
- Chi phí dự phòng	: 9.444.923.000	đồng

14. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án nếu đủ năng lực, chuyên môn,...theo các quy định hiện hành. Trường hợp không đủ năng lực thì ủy thác Ban quản lý dự án chuyên ngành của tỉnh thực hiện.

16. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2023.

17. Thời hạn sử dụng công trình:

- Trục 1: Đối với các đoạn tuyến thiết kế sửa chữa mặt đường thì thời hạn sử dụng là thời hạn sử dụng còn lại của đoạn tuyến đó. Đối với các đoạn tuyến thiết kế mới thì thời hạn sử dụng là 15 năm (Theo Khoản 3.3.1 TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế).

- Trục 2: Thời hạn sử dụng là 10 năm (Theo Điều 3.3.1 Mục 3.1 TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế).

- Trục 3: Thời hạn sử dụng là 5 năm (Theo Điều 4.6.1 Mục 4.6 TCVN 10380:2014).

19. Các nội dung khác:

- Để phát huy hiệu quả, đảm bảo chất lượng công trình khi triển khai xây dựng, yêu cầu Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan thực hiện theo đúng quy định tại Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 27/02/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan tập trung hoàn thành dứt điểm việc giải phóng mặt bằng trước khi triển khai dự án theo quy định hiện hành; rà soát chọn lựa các hạng mục công việc theo thứ tự ưu tiên, lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán, lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong phạm vi mức vốn được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đúng quy định và hiệu quả dự án.

- Thực hiện giảm 10% trên tổng mức đầu tư của dự án theo Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ và Công văn số 4672/UBND-KTKH ngày 25/8/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông.

- Việc sử dụng chi phí dự phòng của dự án chủ đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành.

- Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về kết quả thẩm định tại Thông báo kết quả thẩm định dự án số 2351/SGTVT-KT&CHT ngày 31/10/2019 và các nội dung đề xuất tại Tờ trình số 2352/TTr-SGT ngày 31/10/2019.

- Quá trình khai thác sử dụng phải thực hiện duy tu, bảo trì công trình theo đúng quy định.

Điều 2. Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song (trước đây là Ban Quản lý các dự án huyện Đắk Song) chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này; quản lý đầu tư, xây dựng đảm bảo chất lượng công trình, hiệu quả đầu tư và tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk

Nông; Chủ tịch UBND huyện Đắk Song; Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN huyện Đắk Song
(để giám sát theo quy định)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, CTTĐT, KTN(Tr).

04

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Xuân Hải

